

UBND QUẬN LÊ CHÂN
TRUNG TÂM GDNN-GDTX
Số: 13/KH- TT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hải Phòng, ngày 12 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH
Về việc triển khai hoạt động ứng dụng CNTT & Chuyển đổi số
Năm học 2022-2023

Căn cứ CV số 5807/BGDĐT ngày 21/12/2018 về việc hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng CNTT trong trường phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 2159/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 2650/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2022 - 2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022-2023;

Thực hiện Công văn của Sở GDĐT Hải Phòng v/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2022 -2023, Căn cứ tình hình thực tế của trung tâm năm học 2022 - 2023.

Trung tâm GDNN-GDTX Quận Lê Chân xây dựng Kế hoạch về việc triển khai hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin năm học 2022 – 2023 như sau:

I. Phân tích bối cảnh, thực trạng ứng dụng CNTT & TT của trung tâm

1.1. Phân tích những khó khăn, hạn chế trong quản trị, điều hành của trung tâm

- Trung tâm gặp nhiều khó khăn về nguồn nhân lực, thiếu GV dạy văn hoá & dạy nghề
- CNTT, CSVC, trang thiết bị dạy học còn thiếu và chưa đồng bộ về Máy tính, phần mềm, hệ thống mạng đã có từ lâu nên đường truyền chậm...

1.2. Đánh giá tình hình ứng dụng CNTT & TT

- Thực trạng trình độ CNTT của đội ngũ CB, GV, NV:
100% CB, GV, NV có chứng chỉ Tin học văn phòng; 02 GV có trình độ Đại học Tin học
- Thực trạng ứng dụng CNTT phục vụ quản lý, điều hành: 100% CB, GV, NV biết ứng dụng CNTT trong giảng dạy và quản lý
- Thực trạng ứng dụng CNTT trong dạy học, kiểm tra đánh giá: Quản lý DH, KTĐG trên CSDL ngành.
- Thực trạng trang thiết bị CNTT và hạ tầng mạng: Trung tâm có 02 phòng máy tính có nối mạng lan

- Thực trạng đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và việc ban hành văn bản pháp lý về ứng dụng CNTT&TT: Trung tâm đã được trang bị Camera an ninh mạng tại những nơi thiết yếu.

1.3. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu về ứng dụng CNTT&TT của trung tâm

1.3.1. Thuận lợi

+ Trường có 100% GV đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó Trung tâm có 02 GV có trình độ ĐH tin học.

+ Tập thể chi bộ, nhà trường luôn đoàn kết thống nhất, sáng tạo trong công việc, có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác quản lý và giảng dạy.

+ Đa số GV tiếp cận được PPDH tích cực và tích cực ứng dụng CNTT trong giảng dạy.

+ Nhận thức của phụ huynh học sinh về tầm quan trọng của cấp học có nhiều chuyển biến tích cực, luôn quan tâm đến công tác giáo dục của nhà trường.

+ Trường có hệ thống kết nối Internet toàn trường và tới từng lớp học, đảm bảo nên việc tiếp cận CNTT của cán bộ giáo viên được thuận lợi.

+ Phòng học, bảng, bàn ghế cho giáo viên, học sinh: số lượng, quy cách, chất lượng và thiết bị của phòng học, bảng trong lớp học đảm bảo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế; đại đa số các lớp có máy chiếu projecter, 100% các lớp được trang bị camera. Đây là điều kiện rất tốt để nâng cao chất lượng quản lý và chất lượng dạy và học.

+ Trường có 02 phòng máy với 35 máy tính nối mạng Internet đáp ứng việc dạy môn Tin học tự chọn và dạy nghề cho HS.

1.3.2. Khó khăn

+ CSVC một số phòng chức năng còn thiếu thốn. Hệ thống mạng yếu, hệ thống máy tính lâu đời, chưa đồng bộ.

+ Đội ngũ GV dạy VH thiếu nhiều, chưa đủ cơ cấu bộ môn; GV giảng dạy còn kiêm nhiệm nhiều công việc khác nhau.

+ Chất lượng học sinh đầu vào còn thấp.

+ Tỷ lệ học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn nhiều.

+ Việc sinh hoạt chuyên môn một số nhóm chưa đi vào chiều sâu, còn thụ động;

+ Năng lực chuyên môn của giáo viên chưa đồng đều; việc tự học của một số giáo viên chưa thường xuyên, việc đổi mới phương pháp dạy học chưa rõ nét. Một số GVBM chưa chú trọng đến giáo dục đạo đức học sinh; tỷ lệ học sinh yếu kém còn cao so với chỉ tiêu đề ra; vẫn còn học sinh vi phạm nội qui của nhà trường.

+ Một số phụ huynh còn tư tưởng trông chờ ỷ lại, thường xuyên đi làm ăn xa để con ở nhà cho ông bà, một số cha mẹ li hôn, không quan tâm đến con nên công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình gặp nhiều khó khăn.

1.3.3. Thời cơ

***) Thời cơ**

+ Có nhiều chính sách chỉ đạo về CNTT, chuyển đổi số.

+ Chương trình giáo dục phổ thông được xây dựng trên cơ sở quan điểm của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; kế thừa và phát triển những ưu điểm của các chương trình giáo dục phổ thông đã có của Việt Nam, đồng thời tiếp thu thành tựu nghiên cứu về khoa học giáo dục và kinh nghiệm xây dựng chương trình theo mô hình phát triển năng lực của những nền giáo dục tiên tiến trên thế giới; gắn với nhu cầu phát triển đất nước, những tiến bộ của thời đại về khoa học - công nghệ và xã hội; phù hợp với điểm con người, văn hoá Việt Nam, các giá trị truyền thống của dân tộc.

+ Trung tâm được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng, sự quan tâm chỉ đạo động viên của UBND quận Lê Chân, sự cộng tác nhiệt tình của Ban diện CMHS trường trong công tác vận động hỗ trợ công tác giáo dục của nhà trường.

+ Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông làm biến đổi suy nghĩ của phần lớn cha mẹ học sinh, nhận thức về việc học tập ngày càng được nâng lên, tạo điều kiện thuận lợi để nhà trường duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục.

***) Thách thức**

+ Nhu cầu xã hội đòi hỏi chất lượng giáo dục ngày càng cao trong thời kì hội nhập.
+ HS GDTX đầu vào chất lượng thấp, điều kiện kinh tế của gia đình học sinh còn khó khăn nên việc quan tâm đến học tập và giáo dục đạo đức cho các em còn hạn chế.

+ Tâm lý lo lắng của phụ huynh học sinh khi triển khai chương trình giáo dục PT 2018.
+ Đội ngũ giáo viên chưa đủ về cơ cấu bộ môn và số lượng dẫn đến một số GV chưa đúng chuyên môn được đào tạo và dạy quá số tiết quy định, một số GV trẻ chưa nhiều kinh nghiệm.

+ Đội ngũ giáo viên được đào tạo, giảng dạy theo hướng “trang bị kiến thức cho sinh viên” nay chuyển sang dạy học theo định hướng “Phát triển năng lực và phẩm chất cho sinh viên”; giáo viên kiêm nhiệm công việc nhiều, một số giáo viên cao tuổi gặp khó khăn trong việc đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin.

II. Mục tiêu

- Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp về Kế hoạch chuyển đổi số trong ngành Giáo dục giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030;

- Đẩy mạnh triển khai nền tảng quản trị nhà trường, ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy, học.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu (CSDL), triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành GDĐT, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu giữa các đơn vị, cơ quan trong ngành Giáo dục; phục vụ công tác báo cáo, thống kê, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý GDĐT.

- Tăng cường các nguồn lực của nhà nước và xã hội, nâng cao chất lượng nhân lực, đảm bảo các điều kiện về hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT.

- Tăng cường các điều kiện đảm bảo và ứng dụng CNTT trong quản lý và hoạt động

động dạy học, quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số đối với các loại hồ sơ điện tử và đảm bảo theo lộ trình phù hợp.

III. Nhiệm vụ ứng dụng CNTT&TT trong trung tâm

3.1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tăng cường quán triệt, nhận thức đầy đủ về chủ trương chuyển đổi số của Trung ương, của tỉnh và ngành Giáo dục, tạo nền tảng, khơi gợi sự sáng tạo đột phá để ứng dụng CNTT và chuyển đổi số mạnh mẽ trong mọi hoạt động của ngành, của đơn vị.

- Duy trì hiệu quả hệ thống phần mềm quản lý nhà trường (QLNT) đồng bộ với cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành Giáo dục của tỉnh về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; các nền tảng hỗ trợ dạy học trực tuyến, hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc tập trung và các hệ thống thông tin dùng chung khác do Sở GDĐT Hải Phòng triển khai để hỗ trợ chuyển đổi số trong toàn ngành; hỗ trợ công tác thống kê, báo cáo bảo đảm chính xác, đồng bộ, liên thông.

- Quán triệt đầy đủ, thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT về rà soát các điều kiện, phương án, kịch bản ứng dụng CNTT hỗ trợ các hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá và các hoạt động chuyên môn khác của ngành để sẵn sàng ứng phó với những diễn biến phức tạp của dịch bệnh, thiên tai...

- Tăng cường các nguồn lực của nhà nước và xã hội, nâng cao chất lượng nhân lực, đảm bảo các điều kiện về hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

3.2. Nhiệm vụ cụ thể

1. Duy trì, triển khai hình thức dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy - học và đổi mới phương pháp dạy - học.

a) Tổ chức hình thức dạy học trực tuyến theo quy định tại Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ GDĐT phù hợp với điều kiện của Trung tâm nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và đổi mới phương pháp dạy - học ngay cả trong điều kiện học viên đến lớp bình thường.

b) Sử dụng tối đa lợi ích của ứng dụng CNTT trong kết nối và tổ chức các hoạt động giáo dục giữa Trung tâm, giáo viên với học viên trong việc hướng dẫn học viên tự học, kiểm tra đánh giá và phối hợp với gia đình.

c) Tiếp tục phát triển học liệu số bảo đảm chất lượng: Huy động giáo viên tham gia đóng góp học liệu số để chia sẻ dùng chung; phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong đánh giá, lựa chọn học liệu số trước khi đưa vào sử dụng; hướng dẫn giáo viên tham khảo các học liệu số giới thiệu từ Sở GDĐT, Bộ GDĐT và các nguồn tài nguyên tin cậy trên Internet.

d) Triển khai tổ chức đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến; từng bước tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá trên máy tính đảm bảo khách quan, công bằng và có độ tin cậy.

e) Triển khai hiệu quả hệ thống thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu (CSDL) số hóa sách và tài nguyên phục vụ dạy học), kết nối liên thông với

các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

2. Tiếp tục triển khai phần mềm quản trị trong các cơ sở giáo dục, kết nối thông suốt với CSDL giáo dục của TP và của ngành

a) Tiếp tục triển khai nền tảng quản trị cơ sở giáo dục tích hợp không gian làm việc số tới 100% CB, GV và CNV.

b) Triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử theo hướng dẫn tại Công văn 1829/SGDDT-GDTrH ngày 08/10/2020 của Sở GDĐT cụ thể:

- Sổ điểm điện tử; Học bạ điện tử; Kế hoạch giáo dục; Kế hoạch bài dạy ... trên hệ thống vnEdu, tất cả áp dụng chứng thư số kể từ năm học 2022 – 2023.

- Việc quản lý và ký số đối với hệ thống hồ sơ, sổ sách trên vnEdu: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 643/QĐ-SGDĐT ngày 18/8/2022 của Giám đốc Sở GDĐT về ban hành quy chế quản lý và sử dụng chứng thư số, chữ ký số trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

c) Ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với cơ sở giáo dục trên nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, các ứng dụng trên thiết bị di động và website giáo dục.

3. Tiếp tục mở rộng, hoàn thiện CSDL về giáo dục cung cấp thông tin quản lý, đầy đủ, chính xác và kịp thời

a) Tiếp tục xây dựng, mở rộng CSDL và triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục tại vnEdu và tại địa chỉ csdl.moet.gov.vn (đảm bảo tính đầy đủ, kịp thời và chính xác) nhằm cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục; các cơ sở giáo dục tập trung hoàn thiện cập nhật mã số định danh của học viên và kết quả học tập của học viên trên CSDL ngành Giáo dục theo từng kỳ học, đặc biệt thông tin của học viên lớp 12 phục vụ kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và xét tuyển vào đại học.

b) Việc xây dựng CSDL về giáo dục phải tuân thủ các quy định của Thông tư số 42/2021/TT - BGDDT ngày 30/12/2021 quy định về CSDL GDĐT và Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của CSDL GDĐT của Bộ GDĐT.

c) Tổ chức thực hiện báo cáo thống kê giáo dục định kỳ (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác theo quy định và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở GDĐT.

4. Triển khai thanh toán không dùng tiền. Khuyến khích hình thức thanh toán học phí, các khoản thu bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt; kết nối phần mềm quản lý tài chính của Trung tâm với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt.

IV. Giải pháp thực hiện

4.1. Giải pháp về triển khai tổ chức thực hiện

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ phận phụ trách CNTT, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò của ứng dụng CNTT, tuân thủ Luật an ninh mạng, chuyển đổi số trong các hoạt động GDĐT và các kết quả ứng dụng CNTT đã đạt được;

4.2. Giải pháp về nhân lực, đội ngũ:

- Ký hợp đồng thỉnh giảng mời GV giỏi CNTT về hợp tác và giảng dạy tại đơn vị.
- Phân công CBQL, GV làm đầu mối triển khai nhiệm vụ CNTT, quản lý phòng bộ môn Tin học và công tác thống kê giáo dục.
- Triển khai tập huấn giáo viên bằng hình thức kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo 100% giáo viên được cấp tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên.
- Tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục và học viên. Nội dung bồi dưỡng gắn với nhu cầu thực tiễn về triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số, xem xét lựa chọn các nội dung phù hợp về: Kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến; kỹ năng thiết kế bài giảng e-Learning, video bài giảng, thiết bị dạy học số; kỹ năng quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị trong cơ sở giáo dục; nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin.

4.3. Giải pháp về cơ sở vật chất hạ tầng CNTT & thiết bị công nghệ

- Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số giáo dục
- Rà soát và có kế hoạch mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, tổ chức dạy môn Tin học, tổ chức dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; đảm bảo kết nối cáp quang Internet, dịch vụ Internet không dây trong tại đơn vị; đảm bảo đủ thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học; từng bước hình thành phòng thiết kế học liệu số và dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục.
- Ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến phục vụ Trung tâm, giáo viên và học viên; huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy học trực tuyến cho học viên và giáo viên còn khó khăn;

4.4. Giải pháp tài chính

Nhà trường cân đối nguồn ngân sách được cấp để tiếp tục đầu tư bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị CNTT, đào tạo nhân lực CNTT phục vụ cho công tác quản lý và giảng dạy của nhà trường; Tăng cường các nguồn lực tài chính trong và ngoài đơn vị, Tăng cường huy động nguồn lực xã hội hóa; phối hợp có hiệu quả việc đầu tư với thuê dịch vụ CNTT (theo Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 24/02/2020 và Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, có hiệu lực từ ngày 01/01/2020)

4.5. Giải pháp bảo đảm an toàn thông tin

-Tăng cường đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT. Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên và học viên kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân; trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục.

V. Tổ chức thực hiện

TT	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm		Thời gian	
		Phụ trách chính	Phối hợp	Bắt đầu	Kết thúc
1	-Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ về CNTT và Thống kê giáo dục, báo cáo về Sở GD & ĐT . - Xây dựng KH và kiện toàn Ban quản lý CNTT - Đề xuất mua sắm, sửa chữa bảo trì các thiết bị CNTT, máy móc, nâng cấp các đường truyền	BGD	Tổ trưởng CM và GV tin học	Tháng 8	30/9
2	- Tổ chức thi thiết kế bài giảng điện tử và bài giảng E-Learning, chọn bài giảng thi cấp Thành phố. - Triển khai dạy học trực tuyến với phần mềm ... - Nhập và quản lý sử dụng thiết bị đồ dùng dạy học. -Xây dựng kho học liệu số dùng chung toàn trường, hệ thống các bài giảng E- learning.	BGD	GV các tổ CM	Tháng 9	Tháng 10,11
3	- Xây dựng ngân hàng đề thi giữa HK và cuối HK	Tổ trưởng CM	GV	11	12
4	- Báo cáo dữ liệu quản lý nhân sự PEMIS về Sở	CB Phụ trách	GV tin học	12	

	- Báo cáo dữ liệu quản lý học viên, quản lý điểm, thư viện, thiết bị HK I về Sở. - Sơ kết và báo cáo kết quả thực hiện về Sở	CNTT			1
5	- Bồi dưỡng giáo viên soạn bài giảng tương tác	CB Phụ trách CNTT	GV tin học	1-2	2-3
6	- Tổ chức cho GV thi Ứng dụng CNTT trong giảng dạy, chào mừng 8/3;26/3	BGD	Tổ CM	3	29/3
7	- Cập nhật các nội dung Website Trung tâm - Kiểm tra đánh giá thực hiện tiến độ CNTT	CB Phụ trách CNTT	GV tin học	4	5
8	- Báo cáo dữ liệu quản lý học viên, quản lý điểm, thư viện, thiết bị HK II về Sở - Tổng kết đánh giá thực hiện nhiệm vụ CNTT trong nhà trường	CB Phụ trách CNTT	GV tin học	5	6 2-3
9	- Báo cáo dữ liệu quản lý nhân sự PEMIS về Sở	BGD	CB Phụ trách CNTT	6	2-7

Nơi nhận:

- Sở GDĐT;
- Các Phó Giám đốc;
- Các Tổ CM, VP;
- Lưu: VP.

GIÁM ĐỐC



[Signature]

GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Mỹ Hạnh